

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 161/2022/HS-PT  
Ngày: 03/8/2022.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

*- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Quốc Thành.*

*Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Hiệu.*

*Bà Lê Thị Thủy.*

*- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Phạm Trí Đôn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:*

*Bà Lê Thị Ngọc Hà - Kiểm sát viên.*

Ngày 03 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 187/2022/TLPT-HS ngày 20 tháng 6 năm 2022. Do Bản án sơ thẩm số: 51/2022/HS-ST ngày 10/5/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa bị kháng cáo.

*\* Các bị cáo kháng cáo:*

**1. Họ và tên: Nguyễn Xuân Q**, tên gọi khác: Không - Sinh năm 1990 tại xã Quảng Ngọc, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa;

Nơi cư trú: Thôn X, xã Quảng Ngọc, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Luận (đã chết) và bà Lê Thị Vân (đã chết); Vợ: Nguyễn Thị Thảo (SN 1992); Có 02 con (đều sinh năm 2021); Tiền án; Tiền sự: Không.

Tạm giữ; Tạm giam: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (Vắng mặt tại phiên tòa).

**2. Họ và tên: Lê Thị Ng**, tên gọi khác: Không - Sinh năm 1994 tại xã Xuân Lộc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Nơi cư trú: Thôn C, xã Xuân Lộc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Đình Huyền (SN 1958) và bà Lê Thị Ngân (SN 1958); Chồng: Lê Trọng Cường (đã ly hôn); Có 02 con (Lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2017); Tiền án; Tiền sự: Không.

Tạm giữ; Tạm giam: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (Có mặt tại phiên tòa).

*\*Bị hại (Không kháng cáo):* Công ty TNHH Công nghiệp nặng A Việt Nam.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông **HO** - Giám đốc hành chính.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đới Xuân B** - Trưởng Ban bảo vệ dự án nhiệt điện Nghi Sơn 2, Công ty Cổ phần dịch vụ bảo vệ Nghi Sơn (Vắng mặt).

*\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (Không kháng cáo):*

1. Công ty cổ phần LILAMA 18.

+ Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Quang Định - Tổng giám đốc.

+ Người đại diện theo ủy quyền: Ông Khương Xuân Duy - Cán bộ Công ty cổ phần LILAMA 18 (Vắng mặt).

2. Anh: Lê Thanh Mạnh - Sinh năm 1985.

Trú tại: Tổ dân phố Liên Đình, phường Hải Thượng, thị xã Nghi Sơn - Thanh Hóa (Vắng mặt).

3. Ông: Nguyễn Trọng Tùng - Sinh năm 1964.

Trú tại: Tổ dân phố Trung Chính, phường Hải Hòa, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt).

4. Anh: Phạm Văn Khoa - Sinh năm 1979.

Trú tại: Thôn Ngọ, xã Tiến Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Xuân Q, Lê Thị Ng và Nguyễn Đức Th đều là công nhân của đội công trình số 5 thuộc Công ty Cổ phần LILAMA 18 thi công dự án nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn 2 ở xã Hải Hà, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa, do Công ty TNHH công nghiệp nặng A Việt Nam là tổng thầu. Trong đó Q là cán bộ vật tư thi công có nhiệm vụ phụ trách quản lý toàn bộ vật tư thi công các gói thầu của Công ty cổ phần LILAMA 18 tại Nhà máy Nhiệt điện Nghi Sơn 2 (là trưởng bộ phận vật tư của Đội Công trình số 5), Ng là nhân viên bộ phận vật tư có nhiệm vụ phụ trách trực tiếp nhận hàng và trả hàng theo phiếu nhập, xuất vật tư (là nhân viên cán bộ vật tư dưới sự quản lý của Q) còn Nguyễn Đức Th là lái xe của công ty cổ phần LILAMA 18.

Quá trình thi công dự án Nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn 2, Q thấy hạng mục thi công của Công ty Lilama 18 không cần dùng đến vật tư thép tấm vì đã thi công xong, tuy nhiên vẫn còn 03 kiện thép tấm, kí hiệu NS2-DH1-1185-B2-002, NS2-

DH1-1185-B2-003, NS2-DH1-1185-B2-004 là tài sản của công ty TNHH công nghiệp nặng A Việt Nam, dự kiến giao cho đội lắp máy công trình số 5, công ty Cổ phần LILAMA 18 để thi công, (tuy nhiên chưa lấy đến do hạng mục đã hoàn thành) đang để bên kho vật tư số 01 của tổng thầu A. (theo quy định của tổng thầu A toàn bộ vật tư là do của tổng thầu A quản lý, khi đơn vị thi công hạng mục nào cần vật tư thì sẽ yêu cầu tổng thầu A xuất vật tư đưa vào Công trình Nhà máy Nhiệt điện Nghi Sơn 2 để thi công, trong quá trình thi công nếu đơn vị thi công không hết vật tư hoặc dư thừa thì phải bàn giao lại cho tổng thầu A quản lý). Q nảy sinh ý định chiếm đoạt 03 kiện thép tấm trên, nên đã bàn với Ng làm thủ tục để xuất kho 03 kiện thép tấm đem đi bán thì được Ng đồng ý.

Nhằm mục đích lừa tổng thầu A để lấy 03 kiện thép tấm, ngày 24/8/2021, Q làm phiếu yêu cầu tổng thầu A xuất 6 kiện hàng vật tư để thi công các hạng mục trong Nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn 2 gồm: 03 kiện thép tấm, 01 kiện vật tư bảo ôn cho ống, 02 kiện thép góc (tuy nhiên do trùng với số hàng đã lấy nên sau đó 1 kiện vật tư bảo ôn cho ống, 02 kiện thép góc bị gạch đi chỉ còn lại 03 kiện tôn thép tấm). Ngày 25/8/2021 Q làm phiếu yêu cầu xuất vật tư cho 01 cuộn tôn. Sau đó Q đem các phiếu yêu cầu xuất vật tư xin chữ ký của anh Mai Văn Đễ (giám sát công trường của Công ty A).

Tuy nhiên việc có phiếu yêu cầu xuất vật tư chưa đủ thủ tục để có thể xuất vật tư từ kho đưa vào công trường. Nếu muốn xuất vật tư ra khỏi kho vật tư thì cần giấy ra vào cổng cần cho thiết bị vật tư, giấy chỉ có hiệu lực trong thời gian 01 ngày, giấy được viết tay hoặc đánh máy có chữ ký xác nhận của nhà thầu phụ, kỹ sư công trường, bộ phận an toàn của Công ty A. Do đó để có thể đưa trót lọt 03 kiện thép tấm ra ngoài, Q đã lập 03 giấy: 01 giấy ra cổng của kho vật tư số 01 A và giấy vào cổng của Công trường Nhà máy Nhiệt điện 2 Nghi Sơn viết tay (ngày 25/8/2021) trong đó ghi vật tư ra vào cổng là 01 cuộn tôn sau đó đi xin chữ ký của anh Mai Văn Đễ (giám sát công trường của Công ty A), anh Đặng Duy Sâm (nhân viên an toàn Công ty A), anh Nguyễn Văn Dạn (giám sát an toàn nhà thầu A tại khu vực làm việc trong công trường), anh Nguyễn Công Đức (Phó phòng an toàn Ban dự án điện Nghi Sơn thuộc Tổng công ty lắp máy Việt Nam Lilama), riêng giấy ra ngoài cổng của kho vật tư số 02 Q để trống đưa cho Lê Thị Ng tự đi xin chữ ký của người có thẩm quyền tại kho số 02. Lý do Q phải lập giấy ra cổng của kho vật tư số 01 A là 01 cuộn tôn nhằm để qua mắt người ký của Tổng công ty lắp máy Việt Nam Lilama và giám sát của A.

Sau khi làm xong số giấy tờ trên ngày 25/8/2021 Q đưa lại cho Ng 02 tờ phiếu yêu cầu vật tư ngày 24/8 và 25/8 cùng 03 tờ giấy ra vào cổng. Sau khi nhận thủ tục từ Q, Ng đến kho vật tư số 02 của Công ty A đưa phiếu yêu cầu vật tư (phiếu ngày 25/8/2021) xuất 01 cuộn tôn, sau đó làm thủ tục xuất ra cổng của kho vật tư số 02 rồi sử dụng giấy vào cổng của Công trường Nhà máy Nhiệt điện 2 Nghi Sơn, đem 01 cuộn tôn vào công trường để thi công. Khi Nguyễn Đức Th lái xe đến chở cuộn tôn vào công trường, Ng nói với Thành: Sau khi đem vật tư vào công trường thì lái xe đến kho vật tư số 01 để chở 03 kiện tôn thép tấm là tài sản thừa, Q đã làm xong các thủ tục giấy tờ và Ng sẽ làm thủ tục xuất kho để Thành

đem đi bán lấy tiền chia nhau. Thành đồng ý. Sau đó Ng và Thành đi đến kho vật tư số 01, Ng đưa phiếu yêu cầu vật tư (phiếu ngày 24/8/2021) xuất 03 kiện thép tấm. Anh Lê Anh Tuấn là nhân viên kho vật tư số 01 của Công ty A kiểm tra phiếu thấy phù hợp nên cho bóc 03 kiện thép tấm lên xe. Khi Ng đưa giấy ra cổng của kho vật tư số 01 để ký xác nhận, anh Tuấn thấy trên giấy ra cổng ghi là thép cuộn không trùng khớp với vật tư trong phiếu yêu cầu xuất. Tuy nhiên do thấy trong giấy đã có chữ ký xác nhận của những người có liên quan và do có quen biết với Ng nên anh Tuấn yêu cầu Ng sửa lại thành 03 kiện thép tấm. Sau đó anh Tuấn và anh Nguyễn Hoài Văn (quản lý hàng hóa tại kho vật tư) cùng ký xác nhận vào giấy ra cổng.

Sau khi lấy được 03 kiện thép tấm, Nguyễn Đức Th điều khiển xe ô tô tải có cần cẩu, nhãn hiệu Hyundai, BKS 51C - 66.333 của Công ty LILAMA 18, chở 03 kiện thép tấm đến nhà anh Lê Thanh Mạnh, ở tổ dân phố Liên Đình, phường Hải Thượng, thị xã Nghi Sơn bán cho anh Mạnh với giá 108.000.000đ. Khi bán Thành nói đây là hàng dư thừa của công ty không dùng nữa nên xin mang đi bán nên anh Mạnh tin tưởng đồng ý mua. Số tiền bán 3 kiện thép, Thành chia cho Ng và Q 67.000.000đ, còn lại 41.000.000đ Thành cầm giữ.

Sau khi mua được 03 kiện thép tấm, anh Mạnh đã bán lại cho anh Nguyễn Trọng Tùng, trú tại tổ dân phố Trung Chính, phường Hải Hòa, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa với giá 180.000.000đ, anh Tùng sau đó đã bán lại cho anh Phạm Văn Khoa, trú tại thôn Ngõ, xã Tiến Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa với giá 190.500.000đ.

Ngày 07/9/2021 Cơ quan CSĐT Công an thị xã Nghi Sơn đã thu giữ 03 kiện thép tấm có đặc điểm giống nhau được bọc trong thùng gỗ có kí hiệu lần lượt là NS2-DH1-1185-B2-002, NS2-DH1-1185-B2-003, NS2-DH1-1185-B2-004, mỗi kiện có kích thước (2,58x1,36x0,6)m, bên trong chứa các tấm thép màu trắng mạ kẽm, có kích thước như nhau, mỗi tấm có kích thước (2,45x1,22x0,0023)m do anh Phạm Văn Khoa giao nộp.

*Tại Kết luận định giá tài sản số 118/KLĐGTS, ngày 11/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND thị xã Nghi Sơn, kết luận:* 03 kiện tôn thép tấm của công ty TNHH công nghiệp nặng A Việt Nam trên có tổng khối lượng 10.410kg, trị giá tại thời điểm bị chiếm đoạt là 186.037.000đ (Một trăm, tám sáu triệu, không trăm, ba bảy nghìn đồng).

Ngày 11/11/2021 Cơ quan Điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho Công ty A 3 kiện thép tấm trên. Công ty TNHH Công nghiệp nặng A Việt Nam đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không có đề nghị gì thêm về dân sự.

Đối với Lê Thanh Mạnh, Nguyễn Trọng Tùng và Phạm Văn Khoa, là những người đã mua 03 kiện tôn thép tấm, quá trình điều tra xác định khi mua bán các kiện tôn những người này không biết đó là tài sản do phạm tội mà có, nên Mạnh, Tùng và Khoa không phạm tội.

Quá trình điều tra, Nguyễn Xuân Q, Lê Thị Ng, Nguyễn Đức Th đã cùng với anh Lê Thanh Mạnh và Nguyễn Trọng Tùng hoàn trả lại cho anh Phạm Văn Khoa số tiền 190.500.000đ để chuộc 03 kiện tôn thép tấm để trả lại cho Công ty TNHH Công nghiệp nặng A Việt Nam (Nguyễn Xuân Q, Lê Thị Ng và Nguyễn Đức Th trả lại 108.000.000đ; Lê Thanh Mạnh trả lại 72.000.000đ và Nguyễn Trọng Tùng trả lại 10.500.000đ). Anh Lê Thanh Mạnh, Nguyễn Trọng Tùng và Phạm Văn Khoa đã nhận lại tiền mua bán 03 kiện tôn thép và không có yêu cầu đề nghị gì.

Quá trình điều tra, Cơ quan Điều tra Công an thị xã Nghi Sơn đã thu giữ: 01 xe ô tô tải có cần cầu, nhãn hiệu Hyundai, BKS 51C - 66.333 kèm theo giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô (do Nguyễn Đức Th giao nộp. Chiếc xe trên Nguyễn Đức Th đã sử dụng để chở 3 kiện thép tấm đem đi bán). Kết quả điều tra xác định chiếc xe ô tô trên là tài sản hợp pháp của Công ty Cổ phần LILAMA 18 giao cho Thành sử dụng trong quá trình làm việc, do đó Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã Nghi Sơn đã trả lại chiếc xe ô tô tải trên cho công ty Cổ phần LILAMA 18.

Bản án sơ thẩm số 51/2022/HS-ST ngày 10/5/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa đã tuyên các bị cáo Nguyễn Xuân Q, Lê Thị Ng và bị cáo khác không kháng cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s (điểm n đối với Lê Thị Ng) khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự (BLHS). Xử phạt Nguyễn Xuân Q 3 (ba) năm 9 (chín) tháng tù và xử phạt Lê Thị Ng 3 (ba) năm 3 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của các bị cáo tính từ ngày bắt giam hoặc tự nguyện thi hành án. Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với bị cáo khác không kháng cáo; xử lý vật chứng, nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong hạn luật định, bị Nguyễn Xuân Q có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt và Lê Thị Ng có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Xuân Q vắng mặt lần thứ hai không có lý do, không rút đơn kháng cáo. Bị cáo Ng vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng với Bản án sơ thẩm đã tuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Bị cáo Nguyễn Xuân Q đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng và không thuộc trường hợp bất khả kháng, không ảnh hưởng đến việc xét xử nên không có cơ sở đề hoãn phiên tòa. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng Hình sự (BLTTHS) đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xét xử vắng mặt bị cáo Q.

Về nội dung: Sau khi phân tích tính chất vụ án, nhân thân, hành vi phạm tội của các bị cáo cũng như tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới được bổ sung tại phiên tòa đã đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của BLTTHS chấp nhận phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Xuân Q, giảm hình phạt cho bị cáo từ 01 (Một) tháng đến 03 (Ba) tháng tù. Đề nghị

HĐXX áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của BLTTHS chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị Ng, giảm hình phạt cho bị cáo 03 (Ba) tháng tù và cho được hưởng án treo.

Bị cáo không có ý kiến bổ sung và không có ý kiến tranh luận với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng, bị cáo nhận thức được lỗi lầm, hứa không vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] *Xét về tính hợp pháp của đơn kháng cáo*: Đơn kháng cáo của các bị cáo trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 333 BLTTHS, nên đơn kháng cáo được coi là hợp pháp. Do vậy, HĐXX chấp nhận đơn của các bị cáo để xem xét nội dung kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Xuân Q đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng và không thuộc trường hợp bất khả kháng, không ảnh hưởng đến việc xét xử nên không có cơ sở để hoãn phiên tòa. Do đó, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng Hình sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo.

[2] *Về hành vi phạm tội*: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Q vắng mặt, bị cáo Anh thành khẩn khai báo và thừa nhận hành vi phạm tội của mình và các bị cáo khác, cụ thể:

Xuất phát từ mục đích muốn chiếm đoạt tài sản, nên vào các ngày 24/8/2021 và 25/8/2021, tại Công trường thi công dự án Nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn 2 ở xã Hải Hà, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa, Lê Thị Ng, Nguyễn Xuân Q đã cùng Nguyễn Đức Th (là công nhân của Đội Công trình số 5 thuộc Công ty Cổ phần LILAMA 18) dùng thủ đoạn gian dối, lập giả thủ tục xuất kho, sửa chữa giấy tờ ra vào cổng, chiếm đoạt của công ty TNHH Công nghiệp nặng A Việt Nam 03 (Ba) kiện tôn thép tấm, trị giá 186.037.000đ (Một trăm, tám sáu triệu, không trăm, ba bảy nghìn đồng) đem bán lấy tiền chia nhau, sử dụng cá nhân.

Quá trình điều tra và kết quả thẩm vấn tại phiên tòa đã xác định Công ty TNHH Công nghiệp nặng A Việt Nam là loại hình doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài, Công ty Cổ phần LILAMA 18 là doanh nghiệp Nhà nước, Nguyễn Xuân Q không phải là cán bộ lãnh đạo quản lý trong doanh nghiệp Nhà nước, không trực tiếp quản lý tài sản, không có quyền hạn xuất vật tư từ kho đưa vào công trường nên không được coi là lợi dụng, lạm dụng chức vụ quyền hạn. Hành vi của Nguyễn Xuân Q và đồng phạm là dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác nên phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

[3]. *Tính chất vụ án đối với hành vi của các bị cáo*:

Hành vi phạm tội của các bị cáo có tính chất nghiêm trọng. Các bị cáo vì động cơ mục đích tư lợi nên bằng thủ đoạn gian dối, lập giả thủ tục xuất kho, sửa chữa giấy tờ ra vào công để chiếm đoạt tài sản của bị hại. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm thể hiện sự coi thường pháp luật, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác đồng thời gây mất trật tự trị an xã hội. Do đó cần phải xử lý nghiêm tương xứng với tính chất mức độ và hành vi phạm tội của các bị cáo. Lời thừa nhận về hành vi phạm tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cấp sơ thẩm và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên tòa nên hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 BLHS. Các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu chung về hậu quả do mình gây ra, việc truy tố, đưa ra xét xử và buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự là cần thiết, cũng là bài học để răn đe và phòng ngừa chung. Cấp sơ thẩm đã xác định tội danh và khung hình phạt cho các bị cáo là có cơ sở pháp luật.

*[4] Xét kháng cáo của các bị cáo:*

[4.1] Nhận thấy, khi lượng hình cấp sơ thẩm có xem xét, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình. Đã bồi thường lại toàn bộ tài sản đã chiếm đoạt. Do đó các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS, tại cấp sơ thẩm, bị cáo Lê Thị Ng xuất trình chứng cứ là đang có thai, do đó được áp dụng tình tiết “Người phạm tội là phụ nữ có thai” theo điểm n khoản 1 Điều 51 BLHS. Những tình tiết giảm nhẹ nói trên cấp sơ thẩm áp dụng là phù hợp với quy định của pháp luật. Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

HĐXX nhận thấy: Các bị cáo tuổi đời đang còn trẻ, hành vi là bột phát, nhất thời phạm tội, không phải đối tượng phạm tội chuyên nghiệp hay chủ mưu, cầm đầu. Bản thân các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1; khoản 2 Điều 51 của BLHS.

Tại cấp phúc thẩm: Các bị cáo đều có đơn xác nhận hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, bị cáo Nguyễn Xuân Q cả bố và mẹ đều đã chết, vợ không có công việc hay thu nhập ổn định, các con đều đang còn nhỏ (Đều mới 17 tháng tuổi). Bị cáo Lê Thị Ng, đã ly hôn chồng, bản thân đang nuôi 2 con nhỏ, hiện tại bị cáo đang mang thai hơn 8 tháng. Các bị cáo đều xin được cải tạo tại địa phương, là lao động chính, đều có nơi cư trú rõ ràng, quá trình sinh sống cũng như trong thời gian tại ngoại tại địa phương luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân. Chính quyền địa phương có xác nhận và đề nghị Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa xem xét cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo đều có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Đối với bị cáo Lê Thị Ng HĐXX nhận thấy không cần thiết phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa

phương, nơi bị cáo cư trú và gia đình có trách nhiệm phối hợp trong việc giám sát, giáo dục cũng đủ điều kiện để bị cáo học tập trở thành người có ích cho xã hội. Đồng thời vẫn đảm bảo được tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Do đó cần áp dụng Điều 65 của BLHS, xem xét cho được hưởng án treo để bị cáo thấy được tính nhân đạo của Nhà nước và sự khoan hồng của pháp luật, đồng thời cũng nhằm giáo dục, giúp đỡ bị cáo nhận thức, sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh bản thân mà trở thành người công dân có ích cho xã hội. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục là phù hợp.

Đối với bị cáo Nguyễn Xuân Q mặc dù tại cấp phúc thẩm cũng có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Tuy nhiên bị cáo là người khởi sự và giữ vai trò chính trong vụ án nên không đủ điều kiện để được tại ngoại, cải tạo tại địa phương mà cần chấp nhận kháng xin giảm nhẹ hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của Nhà nước mà yên tâm cải tạo sớm trở về với gia đình, xã hội.

Từ phân tích và nhận định nêu trên, HĐXX nhận thấy, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Xuân Q và kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo Lê Thị Ng là có cơ sở chấp nhận. Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là đề nghị HĐXX áp dụng Điều 357 của BLTTHS, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa phần hình phạt của Bản án sơ thẩm là có căn cứ pháp luật.

[4] *Án phí hình sự phúc thẩm*: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không kháng cáo, không bị kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

*Căn cứ*: Điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo Lê Thị Ng.

*Căn cứ*: Điều 351; Điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Xuân Q. Sửa Bản án sơ thẩm số 51/2022/HS-ST ngày 10/5/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa về phần hình phạt.

*Tuyên bố*: Các bị cáo Nguyễn Xuân Q và Lê Thị Ng phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

**1. Áp dụng**: Điểm c khoản 2 Điều 174; Điểm b; s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

**Xử phạt**: Bị cáo **Nguyễn Xuân Q** 42 (Bốn hai) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.



**2. Áp dụng:** Điểm c khoản 2 Điều 174; Điểm b; n; s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

**Xử phạt:** Bị cáo **Lê Thị Ng** 36 (Ba sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (Sáu mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (03/8/2022).

Giao bị cáo Lê Thị Ng cho Ủy ban nhân xã Xuân Lộc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án Hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước đó và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

**Về án phí phúc thẩm:** Các bị cáo Nguyễn Xuân Q và Lê Thị Ng không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (03/8/2022).

**Nơi nhận:**

- Các bị cáo; Bị hại;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND, VKSND cấp cao HN;
- Công an TX Nghi Sơn;
- TAND, VKSND TX. Nghi Sơn;
- Chi cục THADS TX. Nghi Sơn;
- UBND xã Xuân Lộc, Triệu Sơn, TH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa.**

**Lê Quốc Thành**